

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 23 - 7 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Tâm.
2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 103/2025/TLST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025, Quyết định thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa số 20/QĐ-VKS-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 27/2025/QĐ-TĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị S, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Xóm B, thôn F, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn F, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đinh Văn K, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Xóm B, thôn F, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Lê Chí V, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn F, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, vắng mặt ông bà S, ông K và ông V đã có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt bà B không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Vũ Thị S trình bày: Do chỗ quen biết nên vào năm 2018, bà có cho bà Nguyễn Thị B vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Vào ngày 15/6/2018, vay số tiền 100.000.000 đồng. Bà B có viết cho bà S giấy mượn tiền đề ngày 15/6/2018. Lãi suất thỏa thuận miệng là 2,5%/tháng, bà B đã trả cho bà được 17.500.000 đồng tiền lãi. Tiền nợ vay thì chưa trả;

- Cũng trong năm 2018, bà B có vay của bà số tiền 140.000.000 đồng nhưng không lập giấy tờ gì.

Khi vay thì bà B không nói mục đích vay tiền để làm gì, không có sự tham gia của chồng bà B là ông Lê Chí V. Bà cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà B đã sử dụng số tiền vay vào cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên chỉ yêu cầu một mình bà B phải có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu chồng bà phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Đối với khoản vay 140.000.000 đồng do không lập giấy tờ gì hết và hiện cũng không lấy lời khai của bà B được nên bà rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 140.000.000 đồng.

Bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà số tiền nợ vay 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/6/2018, không yêu cầu tính lãi.

* Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn K trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với ý kiến của vợ ông là bà Vũ Thị S. Ông yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền nợ vay 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/6/2018, không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí V trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị B trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ tháng 01/2024. Ông bà cũng đã ly thân từ năm 2020. Hiện nay, bà B làm gì ở đâu thì ông không rõ. Việc vay mượn tiền giữa bà S và bà B thì ông không biết, chỉ khi Tòa án mời làm việc thì ông mới biết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn không tham gia nên không hòa giải được.

* Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần đình chỉ giải quyết đối với khoản nợ vay 140.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Vũ Thị S và ông Đinh Văn K số tiền nợ vay 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng.

Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bà B là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp; phía bị đơn cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 15/6/2018, bà Vũ Thị S có cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 100.000.000 đồng. Tiền nợ vay thì chưa trả.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Đây là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện ký kết, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bên vay phải trả cho bên cho vay tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh.

[2.2.1] Về tiền nợ vay: Số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Số tiền bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Vũ Thị S và ông Đinh Văn K là 100.000.000 đồng.

[2.4] Về nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí V: Khi vay tiền, không có sự tham gia của ông V; nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị đơn sử dụng số tiền vay vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V cũng không thừa nhận bị đơn sử dụng số tiền vay vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, nguyên đơn không yêu cầu ông V phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là phù hợp.

[2.5] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn cũng yêu cầu bị đơn phải trả khoản nợ vay 140.000.000 đồng nhưng nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện và việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó, cần đình chỉ giải quyết đối với khoản nợ vay 140.000.000 đồng.

[3] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả khoản nợ vay 140.000.000 đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Vũ Thị S và ông Đinh Văn K số tiền nợ vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí DSST:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị S không phải chịu án phí DSST, được hoàn trả 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001643 ngày 02/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng).

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVÀ, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Nghĩa